

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI

---

CHU THỊ HUYỀN

**KẾ TOÁN TRÁCH NHIỆM TẠI CÁC DOANH NGHIỆP  
SẢN XUẤT Ô TÔ Ở VIỆT NAM**

*Chuyên ngành* : Kế toán

*Mã số* : 9.34.03.01

**TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ KINH TẾ**

Hà Nội, 2022

**Công trình được hoàn thành tại trường Đại học Thương mại**

**Người hướng dẫn khoa học**

- 1. PGS,TS. Phạm Đức Hiếu**
- 2. PGS,TS. Hà Thị Thuý Vân**

**Phản biện 1: .....**

**Phản biện 2: .....**

**Phản biện 3: .....**

**Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng đánh giá luận án cấp**

**Trường hợp tại trường Đại học Thương mại**

Vào hồi...giờ ...ngày ... tháng ...năm ...

**Có thể tìm hiểu luận án tại:**

- Thư viện Quốc gia**
- Thư viện Trường Đại học Thương mại**

## **DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ TRONG THỜI GIAN ĐÀO TẠO TIẾN SĨ CỦA NGHIÊN CỨU SINH CÓ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN**

1. Chu Thị Huyền (2018), Ứng dụng kế toán trách nhiệm cho các doanh nghiệp Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế, Tạp chí Kế toán & Kiểm toán, số 1+2/2018, tr. 51-54
2. Chu Thị Huyền (2020), Nghiên cứu về sự thay đổi nội dung kế toán trách nhiệm trong doanh nghiệp, International Conference ICYREB 2020, tr. 1033 - 1045
3. Chu Thị Huyen, Pham Duc Hieu (2020), Proposing a model of factors affecting the application of responsibility accounting in enterprises, International Conference ICYREB 2020, tr. 1120 - 1128
4. Pham Duc Hieu, Chu Thi Huyen (2020), The role of responsibility accounting in sustainable development of enterprises - Empirical study, International Conference ICFAA 2020, tr. 292 - 301
5. Phạm Đức Hiếu, Chu Thị Huyền (2021), Mô hình nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng tới áp dụng kế toán trách nhiệm trong doanh nghiệp, Tạp chí Kế toán & Kiểm toán, Số T4/2021, tr. 19 – 23
6. Pham Duc Hieu, Chu Thi Huyen (2021), Factors affecting the application of responsibility accounting in enterprises - A review of related literature, Journal of Finance & Accounting Research, No. 02 (10) – 2021, tr. 24 – 30

## PHẦN MỞ ĐẦU

### 1. Sự cần thiết của đề tài nghiên cứu

Trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế, các nhà quản trị muốn đưa ra được các quyết định tối ưu thì cần thiết phải dựa vào các công cụ quản lý hiện đại. Một trong những công cụ quản lý có thể giúp DN phát triển bền vững đó chính là KTTN.

Mặc dù KTTN đã được nghiên cứu rất nhiều trên thế giới nhưng tại Việt Nam KTTN mới chỉ được nghiên cứu và từng bước có những doanh nghiệp áp dụng trong vài năm trở lại đây. Tuy nhiên số lượng các nghiên cứu vẫn còn hạn chế, nội dung áp dụng KTTN trong các doanh nghiệp còn chưa triệt để. Các nghiên cứu vận dụng KTTN mới chỉ dừng lại ở việc vận dụng từng nội dung cụ thể của KTTN vào từng ngành, lĩnh vực hoặc từng loại hình DN mà chưa có sự thống nhất và chưa được tổng kết thành những hướng dẫn cụ thể giúp DN có thể hiểu và vận dụng một cách hiệu quả. Do vậy, việc tìm ra những điểm chung, những nét đặc thù bổ sung cho lý luận và thực tiễn về KTTN còn khá non trẻ ở Việt Nam là điều hết sức cần thiết.

Mặt khác, đối chiếu với các DN sản xuất ô tô có nhiều yếu tố đặc thù như vốn đầu tư lớn, công nghệ sản xuất tiên tiến, phức tạp, gồm nhiều khâu do đó thường hình thành các TTTN có tính phân tầng trong doanh nghiệp cũng như đòi hỏi kiểm soát chi phí tới từng công đoạn vì vậy phù hợp cho nghiên cứu và áp dụng KTTN. Cùng với đó, qua khảo sát thực trạng KTTN tại các doanh nghiệp sản xuất ô tô ở Việt Nam cho thấy, việc áp dụng KTTN tại các đơn vị này đã bước đầu triển khai thực hiện nhưng biểu hiện của KTTN còn chưa rõ ràng. Nhận thức của các nhà quản lý về KTTN vẫn còn nhiều hạn chế...

Chính vì vậy việc nghiên cứu nhằm đưa ra những khuyến nghị giúp các đơn vị này thực hiện đầy đủ, có hiệu quả KTTN qua đó đạt được mục tiêu của tổ chức là yêu cầu bức thiết trong điều kiện hiện nay. Từ những cơ sở lý luận và thực tiễn nêu trên, tác giả đã chọn đề tài “Kế

*toán trách nhiệm tại các doanh nghiệp sản xuất ô tô ở Việt Nam”* cho luận án tiến sĩ của mình.

## **2. Mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu**

### **2.1. Mục tiêu nghiên cứu**

Phân tích, đánh giá thực trạng KTTN tại các DN sản xuất ô tô ở Việt Nam; Làm rõ các yếu tố và đánh giá mức độ ảnh hưởng của các yếu tố đến áp dụng KTTN trong các đơn vị; Đưa ra những khuyến nghị nhằm hoàn thiện và thúc đẩy hơn nữa việc áp dụng KTTN tại các đơn vị.

### **2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu**

\* Về lý luận: Hệ thống hóa, phân tích và làm rõ thêm cơ sở lý thuyết và những vấn đề lý luận chung về nội dung KTTN trong DN.

\* Về thực tiễn: Khảo sát, đánh giá thực trạng KTTN tại các DN sản xuất ô tô ở Việt Nam; Xác định và đánh giá mức độ ảnh hưởng của các yếu tố đến áp dụng KTTN tại các DN sản xuất ô tô ở Việt Nam; Đưa ra các gợi ý và đề xuất các khuyến nghị nhằm hoàn thiện và thúc đẩy hơn nữa việc áp dụng KTTN tại các DN sản xuất ô tô ở Việt Nam.

## **3. Câu hỏi nghiên cứu**

-Nội dung KTTN và các yếu tố ảnh hưởng đến áp dụng KTTN trong DN nói chung?

-Thực trạng KTTN tại các DN sản xuất ô tô ở Việt Nam hiện nay như thế nào?

-Các yếu tố nào ảnh hưởng đến áp dụng KTTN tại các DN sản xuất ô tô ở Việt Nam? Mức độ tác động của các yếu tố này?

-Cần có những giải pháp, khuyến nghị nào nhằm thúc đẩy hơn nữa việc áp dụng KTTN tại các DN sản xuất ô tô ở Việt Nam?

## **4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

\* Đối tượng nghiên cứu: KTTN trên các khía cạnh lý luận, thực trạng áp dụng KTTN và các yếu tố ảnh hưởng đến áp dụng KTTN tại các DN sản xuất ô tô ở Việt Nam.

\* Phạm vi nghiên cứu:

- Về nội dung: KTTN trong DN gắn với cung cấp thông tin cho các nhà quản lý để đo lường, kiểm soát và đánh giá thành quả của từng TTTN cũng như đánh giá trách nhiệm của các nhà quản lý ở mỗi TTTN trong đơn vị. Luận án không đi sâu vào các vấn đề kỹ thuật cụ thể của KTTN ở từng TTTN. Luận án cũng không nghiên cứu KTTN xã hội và KTTN môi trường.

- Về không gian: Các DN sản xuất ô tô tại Việt Nam, gồm cả DN có vốn đầu tư nước ngoài (FDI).

- Về thời gian: Từ năm 2017 đến năm 2021.

## **5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu**

\* Phương pháp luận nghiên cứu: Luận án sử dụng phương pháp duy vật biện chứng và duy vật lịch sử làm cơ sở phương pháp luận nghiên cứu

\* Phương pháp nghiên cứu cụ thể: Sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính kết hợp phương pháp nghiên cứu định lượng.

## **6. Những đóng góp mới của luận án**

Thứ nhất: Luận án góp phần bổ sung, làm rõ thêm cơ sở lý thuyết và những vấn đề lý luận chung về nội dung KTTN trong DN.

Thứ hai: Phân tích, đánh giá thực trạng KTTN tại các DN sản xuất ô tô ở Việt Nam. Đồng thời, luận án cũng làm sáng tỏ những ảnh hưởng của các yếu tố đến áp dụng KTTN tại các đơn vị.

Thứ ba: Đề xuất các khuyến nghị nhằm thúc đẩy hơn nữa việc áp dụng KTTN tại các DN sản xuất ô tô ở Việt Nam và cho các DN sản xuất cùng loại hình.

## **7. Kết cấu của luận án**

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục các công trình nghiên cứu, danh mục tài liệu tham khảo, phụ lục, luận án được kết cấu gồm 05 chương.

# CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU VÀ NHẬN DIỆN KHOẢNG TRỐNG NGHIÊN CỨU

## 1.1. Các nghiên cứu về nội dung kế toán trách nhiệm trong doanh nghiệp

### 1.1.1. Nội dung kế toán trách nhiệm trước năm 1965

### 1.1.2. Nội dung kế toán trách nhiệm từ 1965 đến 1985

### 1.1.3. Nội dung kế toán trách nhiệm từ 1985 đến nay

## 1.2. Các nghiên cứu về các yếu tố ảnh hưởng đến kế toán trách nhiệm trong doanh nghiệp

Nghiên cứu của Vlogel (1962) đã chỉ ra rằng KTTN phải được xây dựng trên cơ sở phân cấp quản lý.

Gordon (1963) đã bổ sung thêm rằng thái độ của các nhà quản lý cũng là một yếu tố có ảnh hưởng đến KTTN trong DN.

Các kết quả nghiên cứu trên một lần nữa được khẳng định trong nghiên cứu của Holmes và Nicholls (1989), Nyakuwanika (2012), Pajrok (2014), Shixian (2014)...

Tương tự, các nghiên cứu của Ngô Văn Lượng và Vũ Thị Hằng Nga (2017), Ngô Thế Chi và Ngô Văn Lượng (2018)... đều kết luận rằng phân cấp quản lý và trình độ, nhận thức của nhà quản lý là những yếu tố ảnh hưởng thuận chiều đến tổ chức KTTN trong đơn vị.

Các nghiên cứu của Nowak (2000), Venkatrathnam và Reddy (2008), Fowzia (2011)... đã bổ sung thêm 2 yếu tố có ảnh hưởng đến KTTN đó là quy mô DN và đặc điểm DN.

Việc ứng dụng công nghệ thông tin cũng là yếu tố có ảnh hưởng đến áp dụng KTTN trong DN, đã được khẳng định trong nghiên cứu của các tác giả như Chang (2001), Choe (2004), Huỳnh Đức Lộng và Tạ Thị Chúc Quân (2018)...

Các nghiên cứu của Haldma và Laats (2002), Alomiri (2003)... đã bổ sung thêm yếu tố mới có liên quan đến mức độ tổ chức KTTN trong DN đó là trình độ của người làm kế toán.

Hwang (2005), Huang và cộng sự (2010)... đã nhấn mạnh sự cần thiết phải xem xét đến mức độ cạnh tranh trong việc tổ chức KTQT trong DN nói chung và KTTN nói riêng.

Nghiên cứu của Đào Khánh Trí (2015), Huỳnh Đức Lộng và Tạ Thị Chúc Quân (2018)... đều cho thấy việc áp dụng KTTN trong DN bị ảnh hưởng bởi yếu tố chi phí tổ chức KTTN.

Nghiên cứu của Nguyễn Thị Lan Anh (2015), Bùi Thị Xuân Hà (2019)... đã bổ sung thêm yếu tố “môi trường pháp lý” có ảnh hưởng đến áp dụng KTTN trong đơn vị.

### **1.3. Khoảng trống nghiên cứu**

Các công trình nghiên cứu về nội dung KTTN trong DN còn rời rạc, không có hệ thống, được thực hiện ở các bối cảnh, không gian và thời gian khác nhau. Các kết luận rút ra về nội dung KTTN trong DN vì vậy cũng khác nhau và chưa có sự thống nhất giữa các nghiên cứu.

Các công trình nghiên cứu về các yếu tố ảnh hưởng đến KTTN trong DN cho thấy việc áp dụng KTTN bị ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố, song các nghiên cứu lại không có sự thống nhất. Do vậy để có cơ sở xây dựng mô hình và phát triển giả thuyết nghiên cứu thì việc hệ thống hoá và phân tích các lý thuyết nền tảng có liên quan là điều cần thiết.

Các nghiên cứu nước ngoài được sử dụng làm cơ sở tham chiếu cho các nghiên cứu về KTTN ở Việt Nam. Với bối cảnh nghiên cứu khác, do vậy cần có nghiên cứu để kiểm chứng kết quả xem liệu có phù hợp với các DN sản xuất ô tô Việt Nam hay không cũng như kết quả



nghiên cứu ở Việt Nam liệu có tương đồng hay không nhằm luận giải các yếu tố ảnh hưởng đến áp dụng KTTN trong DN.

Trên thế giới, KTTN đã được áp dụng thành công ở nhiều DN thuộc các lĩnh vực khác nhau nhưng ở Việt Nam chưa có nghiên cứu chuyên sâu về KTTN nhằm tăng cường quản lý hoạt động cho các DN sản xuất ô tô. Do đó việc nghiên cứu về KTTN tại các đơn vị này để có thể đưa ra các khuyến nghị giúp các DN kiểm soát chi phí, nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh trong giai đoạn hiện nay là việc làm cần thiết và có ý nghĩa.

### **Kết luận chương 1**

## **CHƯƠNG 2: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN TRÁCH NHIỆM TRONG DOANH NGHIỆP**

### **2.1. Phân cấp quản lý – cơ sở của kế toán trách nhiệm**

### **2.2. Khái niệm và vai trò của kế toán trách nhiệm**

#### ***2.2.1. Khái niệm kế toán trách nhiệm***

Qua tổng hợp các khái niệm KTTN, theo tác giả, KTTN là một bộ phận của KTQT, thu thập, xử lý, phân tích và cung cấp các thông tin tài chính và phi tài chính liên quan đến chi phí, doanh thu, kết quả và hiệu quả đầu tư ở mỗi TTTN cho nhà quản trị các cấp nhằm đánh giá trách nhiệm và thành quả của mỗi nhà quản lý liên quan đến chi phí, doanh thu, kết quả và hiệu quả đầu tư, qua đó kiểm soát hoạt động ở các TTTN để đạt được mục tiêu đề ra của từng trung tâm cũng như toàn đơn vị.

#### ***2.2.2. Vai trò của kế toán trách nhiệm trong doanh nghiệp***

### **2.3. Nội dung kế toán trách nhiệm trong doanh nghiệp**

#### ***2.3.1. Nhận diện và xác định trách nhiệm kế toán ở từng trung tâm trách nhiệm***

##### ***2.3.1.1. Nhận diện các trung tâm trách nhiệm***

Dưới góc độ của KTTN, có 4 loại TTTN cơ bản gồm TTCP, TTĐT, TTLN và TTĐT.

##### ***2.3.1.2. Xác định trách nhiệm kế toán ở từng trung tâm trách nhiệm***

Mặc dù trách nhiệm kế toán ở từng trung tâm cụ thể là khác nhau, song đều có quy trình chung giống nhau, đều bao gồm 4 nội dung chính là lập dự toán, thu thập, xử lý thông tin thực hiện, báo cáo KTTN và đánh giá thành quả ở TTTN.

### **2.3.2. Lập dự toán**

#### *2.3.2.1. Các loại dự toán*

Dự toán tĩnh

Dự toán linh hoạt

#### *2.3.2.2. Phương pháp lập dự toán*

Lập dự toán theo phương pháp gia tăng

Lập dự toán xuất phát từ cấp số không

Lập dự toán trên cơ sở điều chỉnh liên tục

#### *2.3.2.3. Trình tự lập dự toán*

Lập dự toán phối hợp

Lập dự toán từ dưới lên

#### *2.3.2.4. Nội dung lập dự toán ở từng trung tâm trách nhiệm*

Luận án làm rõ nội dung lập dự toán ở 4 trung tâm, gồm TTCP, TTDT, TTLN và TTĐT

### **2.3.3. Thu thập, xử lý thông tin thực hiện**

#### *2.3.3.1. Phương pháp thu thập, xử lý thông tin thực hiện ở các trung tâm trách nhiệm*

KTTN vận dụng các phương pháp kế toán nói chung (phương pháp chứng từ, phương pháp tài khoản, phương pháp tính giá và tổng hợp cân đối) và các phương pháp kỹ thuật của KTQT phù hợp với từng trung tâm.

#### *2.3.3.2. Nội dung thông tin thực hiện ở các trung tâm trách nhiệm*

\* Đối với TTCP

- Các thông tin tài chính: Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp phát sinh được chi tiết theo từng mặt/nhóm hàng, sản phẩm..., từng TTCP và toàn DN.

- Các thông tin phi tài chính: Gồm các thông tin về chất lượng sản phẩm, dịch vụ trong kỳ, các thông tin liên quan đến quy trình nội bộ trong kỳ...

\* Đối với TTĐT

- Các thông tin tài chính: Doanh thu thực hiện ở TTĐT được thu thập theo từng mặt/nhóm hàng, sản phẩm..., từng trung tâm và toàn DN.

- Các thông tin phi tài chính: Các thông tin liên quan đến quan hệ với khách hàng kỳ thực hiện; Các thông tin liên quan đến quy trình nội bộ; Các thông tin về quá trình học hỏi và phát triển...

\* Đối với TTLN

- Các thông tin tài chính: Lợi nhuận gộp, số dư đảm phí của từng loại sản phẩm, từng trung tâm và toàn DN kỳ thực hiện.

- Các thông tin phi tài chính: Các thông tin thực tế liên quan đến quan hệ với khách hàng, liên quan đến quy trình nội bộ...

\* Đối với TTĐT

- Các thông tin tài chính: Các thông tin thực hiện về tỷ suất hoàn vốn đầu tư (ROI), lãi thặng dư (RI), giá trị kinh tế tăng thêm (EVA), tỷ lệ thu nhập trên vốn sử dụng (ROCE).

- Các thông tin phi tài chính: Gồm có các thông tin về quan hệ với nhà đầu tư, về số lượng các dự án có tỷ suất sinh lời cao, số lượng dự án đầu tư mới...

### **2.3.4. Báo cáo kế toán trách nhiệm**

#### **2.3.4.1. Mục tiêu của báo cáo kế toán trách nhiệm**

Báo cáo trách nhiệm là những báo cáo về kết quả hoạt động cho mỗi cấp bậc trách nhiệm theo sơ đồ tổ chức quản lý của DN. Hệ thống báo cáo này ghi nhận việc thực hiện mục tiêu và so sánh với mục tiêu được phân công của mỗi bộ phận trong DN. Sự khác biệt giữa thông tin thực

hiện với mục tiêu dự toán sẽ giúp nhà quản trị đánh giá kết quả và hiệu quả hoạt động của các cấp quản trị bộ phận (Trần Văn Tùng, 2010).

#### *2.3.4.2. Đặc điểm của báo cáo trách nhiệm*

- Mức độ chi tiết của thông tin trên các báo cáo sẽ khác nhau đối với những cấp độ quản lý khác nhau.

- Báo cáo phải bao gồm tất cả những chỉ tiêu doanh thu, chi phí và lợi nhuận có thể xác định một cách trực tiếp hay phân bổ một cách gián tiếp đến một cấp quản lý cụ thể.

- Các báo cáo trách nhiệm có mối liên hệ mật thiết với nhau.

#### *2.3.4.3. Các loại báo cáo trách nhiệm*

Nhóm báo cáo thực hiện

Nhóm báo cáo phân tích

#### *2.3.4.4. Nội dung của báo cáo trách nhiệm*

Tuỳ theo mỗi loại TTTN mà nội dung báo cáo sẽ khác nhau và mang đặc trưng riêng. Trong thực tế không có mẫu biểu chính xác và chi tiết cho các báo cáo trách nhiệm trong các DN.

#### **2.3.5. Đánh giá thành quả ở các trung tâm trách nhiệm**

Luận án đã tập trung làm rõ hệ thống chỉ tiêu cũng như nội dung đánh giá thành quả chi tiết theo 4 loại TTTN: (1) TTCP; (2) TTDT; (3) TTLN và (4) TTĐT. Trong đó, các chỉ tiêu đánh giá ở mỗi trung tâm đều bao gồm các chỉ tiêu dự toán và chỉ tiêu thực hiện. Trong mỗi nhóm chỉ tiêu đều bao gồm các chỉ tiêu tài chính và phi tài chính.

### **2.4. Một số lý thuyết nền tảng và các yếu tố ảnh hưởng đến áp dụng kế toán trách nhiệm trong doanh nghiệp**

#### *2.4.1. Một số lý thuyết nền tảng*

Luận án đã chọn ra 3 lý thuyết làm nền tảng cho nghiên cứu bao gồm: Lý thuyết đại diện, lý thuyết ngẫu nhiên và lý thuyết khuếch tán

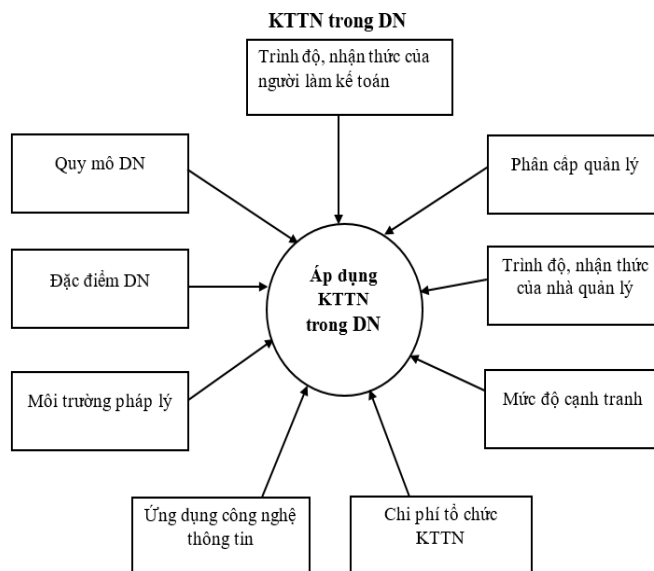
đổi mới. Trong mỗi lý thuyết tác giả đã hệ thống nội dung cơ bản, tác động cụ thể của lý thuyết tới các yếu tố ảnh hưởng đến KTTN trong DN.

#### 2.4.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến kế toán trách nhiệm trong doanh nghiệp

Dựa vào kết quả tổng quan nghiên cứu, luận án đã đưa ra 9 yếu tố cơ bản ảnh hưởng đến KTTN trong DN bao gồm: (1) Quy mô DN; (2) Phân cấp quản lý; (3) Trình độ, nhận thức của nhà quản lý; (4) Trình độ, nhận thức của người làm kế toán; (5) Mức độ cạnh tranh; (6) Chi phí tổ chức KTTN; (7) Môi trường pháp lý; (8) Đặc điểm DN và (9) Ứng dụng công nghệ thông tin.

#### 2.5. Mô hình và giả thuyết nghiên cứu

Hình 2.3: Mô hình lý thuyết nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến áp dụng



(Nguồn: Tác giả đề xuất)

- Mô hình lý thuyết nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến áp dụng KTTN được khái quát qua Hình 2.3.

- 9 giả thuyết nghiên cứu cần kiểm định như sau:

H1: Phân cấp quản lý có ảnh hưởng thuận chiều tới áp dụng KTTN tại các DN sản xuất ô tô ở Việt Nam.

H2: Quy mô DN có ảnh hưởng thuận chiều tới áp dụng KTTN tại các DN sản xuất ô tô ở Việt Nam.

H3: Trình độ, nhận thức của nhà quản lý có ảnh hưởng thuận chiều tới áp dụng KTTN tại các DN sản xuất ô tô ở Việt Nam.

H4: Trình độ, nhận thức của người làm kế toán có ảnh hưởng thuận chiều tới áp dụng KTTN tại các DN sản xuất ô tô ở Việt Nam.

H5: Mức độ cạnh tranh có ảnh hưởng thuận chiều tới áp dụng KTTN tại các DN sản xuất ô tô ở Việt Nam.

H6: Đặc điểm DN có ảnh hưởng thuận chiều tới áp dụng KTTN tại các DN sản xuất ô tô ở Việt Nam.

H7: Chi phí tổ chức KTTN có ảnh hưởng thuận chiều tới áp dụng KTTN tại các DN sản xuất ô tô ở Việt Nam.

H8: Ứng dụng công nghệ thông tin có ảnh hưởng thuận chiều tới áp dụng KTTN tại các DN sản xuất ô tô ở Việt Nam.

H9: Môi trường pháp lý có ảnh hưởng thuận chiều tới áp dụng KTTN tại các DN sản xuất ô tô ở Việt Nam.

## **Kết luận chương 2**

## **CHƯƠNG 3: PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU**

### **3.1. Tổng quan về phương pháp nghiên cứu**

#### ***3.1.1. Lựa chọn phương pháp nghiên cứu***

Nghiên cứu được thực hiện trên cơ sở kết hợp cả hai phương pháp nghiên cứu định tính và định lượng. Trong đó, nghiên cứu định tính được sử dụng nhằm thiết lập bảng hỏi, được thực hiện thông qua phương pháp lý thuyết nền và phương pháp phỏng vấn chuyên gia và thảo luận nhóm để xác định nội dung KTTN trong doanh nghiệp và việc vận dụng KTTN tại các doanh nghiệp sản xuất ô tô ở Việt Nam. Nghiên cứu định lượng được sử dụng nhằm đánh giá mức độ ảnh hưởng của các yếu tố đến áp dụng KTTN tại các DN sản xuất ô tô ở Việt Nam.

#### ***3.1.2. Phương pháp thu thập dữ liệu sơ cấp***

Phương pháp phỏng vấn

Phương pháp điều tra

#### ***3.1.3. Phương pháp thu thập dữ liệu thứ cấp***

Luận án tập trung làm rõ 4 nội dung bao gồm: Xác định dữ liệu cần cho nghiên cứu; Xác định nguồn dữ liệu thứ cấp; Tiến hành thu thập dữ liệu; Xác định độ tin cậy và giá trị của dữ liệu; Dữ liệu thứ cấp.

#### **3.1.4. Quy trình nghiên cứu**

Quy trình nghiên cứu gồm 5 bước: (1) Xác định mục tiêu nghiên cứu trên cơ sở đó đặt ra các câu hỏi nghiên cứu phù hợp; (2) Tổng quan các nghiên cứu trong và ngoài nước liên quan; (3) Hệ thống hóa cơ sở lý luận về KTTN trong DN và các yếu tố ảnh hưởng đến KTTN trong DN; (4) Sử dụng phương pháp nghiên cứu hỗn hợp; (5) Trình bày kết quả nghiên cứu, thảo luận và đề xuất các khuyến nghị .



## **3.2. Thiết kế nghiên cứu**

### **3.2.1. Thiết kế nghiên cứu định tính**

#### *3.2.1.1. Phương pháp lý thuyết nền*

Luận án lựa chọn phương pháp này để xác định nội dung KTTN trong DN cũng như khám phá các yếu tố ảnh hưởng và xây dựng thang đo cho các yếu tố ảnh hưởng đến áp dụng KTTN tại các DN sản xuất ô tô ở Việt Nam.

#### *3.2.1.2. Đo lường các biến trong nghiên cứu, xây dựng và thiết kế Bảng hỏi*

Dựa vào các nghiên cứu tiền nhiệm, tác giả thiết lập các thang đo nháp.

Trên cơ sở mô hình nghiên cứu, các giả thuyết nghiên cứu đã được thiết lập trong Chương 2 và các thang đo nháp ở trên, tác giả tiến hành xây dựng Phiếu khảo sát sơ bộ.

#### *3.2.1.3. Phỏng vấn chuyên gia và thảo luận nhóm*

Thực hiện phỏng vấn sâu 8 chuyên gia gồm 04 chuyên gia là các giảng viên và 04 chuyên gia thực tiễn tại các DN sản xuất ô tô ở Việt Nam.

Tiến hành thảo luận nhóm với chi đoàn giáo viên. Số lượng tham gia thảo luận nhóm là 15 người đến từ Khoa Kế toán – Kiểm toán, trường Đại học Thương mại.

### **3.2.2. Thiết kế nghiên cứu định lượng**

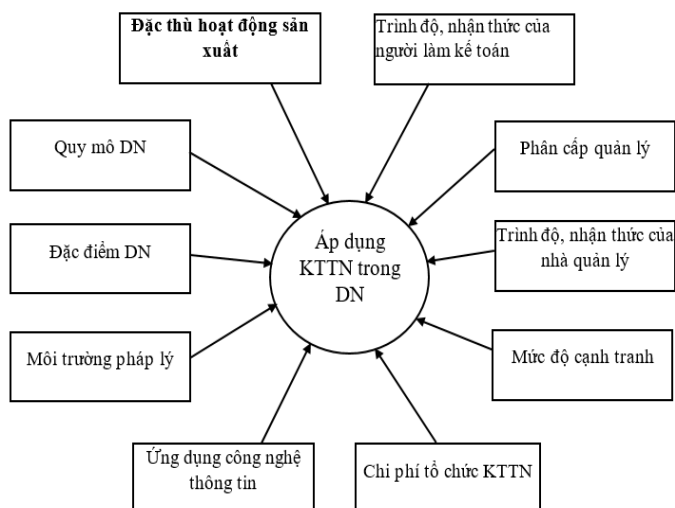
#### *3.2.2.1. Điều tra thử*

Tác giả tiến hành khảo sát thử với mẫu khảo sát là 30 phiếu nhằm kiểm tra Bảng hỏi liên quan đến sự tường minh của các câu hỏi, sự hợp lý và logic của câu hỏi...

#### *3.2.2.2. Hiệu chỉnh thang đo và hình thành Bảng hỏi chính thức*

Mô hình nghiên cứu mới về các nhân tố ảnh hưởng đến áp dụng KTTN trong các DN sản xuất ô tô ở Việt Nam được thể hiện ở Hình 3.1 dưới đây:

**Hình 3.1: Mô hình nghiên cứu thực nghiệm các yếu tố ảnh hưởng đến áp dụng KTTN tại các DN sản xuất ô tô ở Việt Nam**



*(Nguồn: Tác giả đề xuất)*

10 giả thuyết nghiên cứu cần kiểm định:

H1: Phân cấp quản lý có ảnh hưởng thuận chiều tới áp dụng KTTN tại các DN sản xuất ô tô ở Việt Nam.

H2: Quy mô DN có ảnh hưởng thuận chiều tới áp dụng KTTN tại các DN sản xuất ô tô ở Việt Nam.

H3: Trình độ, nhận thức của nhà quản lý có ảnh hưởng thuận chiều tới áp dụng KTTN tại các DN sản xuất ô tô ở Việt Nam.

H4: Trình độ, nhận thức của người làm kế toán có ảnh hưởng thuận chiều tới áp dụng KTTN tại các DN sản xuất ô tô ở Việt Nam.

H5: Mức độ cạnh tranh có ảnh hưởng thuận chiều tới áp dụng KTTN tại các DN sản xuất ô tô ở Việt Nam.

H6: Đặc điểm DN có ảnh hưởng thuận chiều tới áp dụng KTTN tại các DN sản xuất ô tô ở Việt Nam.

H7: Đặc thù hoạt động sản xuất có ảnh hưởng thuận chiều tới áp dụng KTTN tại các DN sản xuất ô tô ở Việt Nam.

H8: Chi phí tổ chức KTTN có ảnh hưởng thuận chiều tới áp dụng KTTN tại các DN sản xuất ô tô ở Việt Nam.

H9: Ứng dụng công nghệ thông tin có ảnh hưởng thuận chiều tới áp dụng KTTN tại các DN sản xuất ô tô ở Việt Nam.

H10: Môi trường pháp lý có ảnh hưởng thuận chiều tới áp dụng KTTN tại các DN sản xuất ô tô ở Việt Nam.

### 3.2.2.3. Điều tra diện rộng

- Tổng thể mẫu nghiên cứu là 547 DN, mẫu mục tiêu là 160 DN.
- Đối tượng điều tra là những người có khả năng đại diện cho DN, đó là các nhà quản lý, kế toán trưởng, trưởng phòng kế toán và những người đang trực tiếp làm công việc KTQT
- Số phiếu được gửi đi là 300, số phiếu thu về là 245 (đạt tỷ lệ phản hồi là 81,7%), trong đó có 27 phiếu không hợp lệ, còn lại 218 phiếu hợp lệ được nhập liệu và phân tích.

### 3.3. Phương pháp xử lý dữ liệu

- Làm sạch dữ liệu
- Phân tích thống kê và kiểm định các giả thuyết bằng phần mềm SPSS 20:

- + Thống kê mô tả
- + Đánh giá độ tin cậy của các thang đo bằng hệ số Cronbach's Alpha
- + Phân tích nhân tố khám phá EFA
- + Phân tích tương quan và hồi quy đa biến

Luận án đề xuất phương trình hồi quy dự kiến dưới dạng phương trình hồi quy tuyến tính bội như sau:

$$Y = a_0 + a_1X_1 + a_2X_2 + a_3X_3 + a_4X_4 + a_5X_5 + a_6X_6 + a_7X_7 + a_8X_8 + a_9X_9 + a_{10}X_{10} + e$$

### Kết luận chương 3

## **CHƯƠNG 4: KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU THỰC TRẠNG KẾ TOÁN TRÁCH NHIỆM TẠI CÁC DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT Ô TÔ Ở VIỆT NAM**

### **4.1. Tổng quan về các doanh nghiệp sản xuất ô tô ở Việt Nam**

Luận án tập trung làm rõ 4 nội dung chính liên quan đến các DN sản xuất ô tô ở Việt Nam: (1) Lịch sử hình thành và phát triển; (2) Đặc điểm quy trình công nghệ sản xuất và hình thành trung tâm trách nhiệm tại các đơn vị; (3) Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý và (4) Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán quản trị.

### **4.2. Kết quả nghiên cứu thực trạng kế toán trách nhiệm tại các doanh nghiệp sản xuất ô tô ở Việt Nam**

#### ***4.2.1. Mô tả mẫu nghiên cứu***

Đối tượng phản hồi là kế toán trưởng chiếm tỷ lệ cao nhất 32,11% và thấp nhất là Hội đồng quản trị chiếm 6,88%. Những người trả lời phiếu chủ yếu có độ tuổi từ 30 -39 (chiếm 42,2%) với kinh nghiệm làm việc chủ yếu từ 11 - 20 năm (chiếm 35,78%).

#### ***4.2.2. Thực trạng kế toán trách nhiệm tại các doanh nghiệp sản xuất ô tô ở Việt Nam***

##### ***4.2.2.1. Nhận diện và xác định trách nhiệm kế toán ở từng trung tâm trách nhiệm***

100% các ý kiến đều cho rằng các loại TTTN tại các doanh nghiệp sản xuất ô tô ở Việt Nam đều bao gồm: TTCP, TTDT, TTLN và TTĐT.

Giá trị trung bình liên quan đến mức độ phân chia đơn vị thành các TTTN tại các doanh nghiệp sản xuất ô tô ở Việt Nam đạt 3,576 nằm trong khoảng từ 3,41 đến 4,2. Điều đó cho thấy việc phân chia đơn vị thành các TTTN tại các DN sản xuất ô tô ở Việt Nam đạt ở mức khá theo thang điểm 5.

##### ***4.2.2.2. Lập dự toán***

100% các doanh nghiệp sản xuất ô tô ở Việt Nam đều thực hiện việc lập dự toán sản xuất kinh doanh, trong đó chủ yếu là dự toán tĩnh (chiếm 72,02%), với phương pháp chính là lập dự toán trên cơ sở quá khứ (chiếm 89,91%).

Tất cả các DN đều lập các dự toán về chi phí, doanh thu, kết quả hoạt động cũng như dự toán vốn.

#### **4.2.2.3. Thu thập, xử lý thông tin thực hiện**

Các thông tin thực hiện ở TTCP gồm: (1) các thông tin tài chính (100% ý kiến) như chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp...; (2) các thông tin phi tài chính như thông tin về chất lượng sản phẩm, dịch vụ trong kỳ (đạt 100%), các thông tin liên quan đến quy trình nội bộ trong kỳ (chiếm 25,69%), các thông tin liên quan đến quá trình học hỏi và phát triển trong kỳ (chiếm 88,53%) và các thông tin khác (chiếm 16,05%).

Thông tin thực hiện ở TTĐT gồm: (1) các thông tin tài chính như doanh thu thực hiện được thu thập theo từng mặt/nhóm hàng... (chiếm 100%), từng TTTN (chiếm 29,82%) và toàn DN (chiếm 100%); (2) các thông tin phi tài chính gồm thông tin quan hệ với khách hàng (đạt 100%), các thông tin về quy trình nội bộ (chiếm 43,11%), các thông tin về quá trình học hỏi và phát triển (đạt 100%).

Thông tin thực hiện ở TTLN gồm: (1) các thông tin tài chính như lợi nhuận thực hiện của từng loại sản phẩm (chiếm 44,04%), lợi nhuận thực hiện của từng TTTN (chiếm 14,68%), lợi nhuận thực hiện của toàn doanh nghiệp (đạt 100); (2) các thông tin phi tài chính như các thông tin liên quan đến quan hệ với khách hàng (đạt 100%), đến quy trình nội bộ kỳ thực hiện (chiếm 61,47%), các thông tin phản ánh quá trình học hỏi và phát triển kỳ thực hiện (đạt tỷ lệ 100%).

Thông tin thực hiện ở TTĐT gồm: (1) các thông tin tài chính như ROI (đạt 100%), RI (chiếm 86,23%), EVA (chiếm 63,76%), ROCE (chiếm 57,34%) và chỉ tiêu khác (chiếm 53,67%); (2) các thông tin phi tài chính gồm các thông tin về quan hệ với nhà đầu tư (chiếm 22,02%), số lượng các dự án có tỷ suất sinh lời cao (chiếm 91,74%), số lượng dự án đầu tư mới và các thông tin liên quan đến quá trình học hỏi và phát triển (đều đạt 100%).

#### 4.2.2.4. Báo cáo kế toán trách nhiệm

100% các DN sản xuất ô tô ở Việt Nam đều lập các báo cáo KTTN cho 4 trung tâm gồm: TTCP, TTDT, TTLN và TTĐT, trong đó bao gồm cả báo cáo thực hiện và báo cáo phân tích.

#### 4.2.2.5. Đánh giá thành quả ở các trung tâm trách nhiệm

Với TTCP, chủ yếu là chênh lệch chi phí và giá thành (đạt 100%). Chênh lệch các chỉ tiêu phi tài chính chỉ chiếm 44,5%.

Với TTDT, các chỉ tiêu để đánh giá thành quả của trung tâm là chênh lệch doanh thu, đạt tỷ lệ 100%, các chỉ tiêu phi tài chính chỉ đạt 47,25%.

Với TTLN, chênh lệch lợi nhuận (đạt tỷ lệ 100%), chênh lệch tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (đạt 60,56%), chênh lệch tỷ suất lợi nhuận trên chi phí (đạt 56,89%) và chênh lệch các chỉ tiêu phi tài chính (đạt 39,45%).

Với TTĐT, chênh lệch ROI (chiếm 53,67%), chênh lệch RI (chiếm 56,42%), chênh lệch EVA (chiếm 45,41%), chênh lệch ROCE (chiếm 35,78%), chênh lệch các chỉ tiêu phi tài chính chiếm tỷ lệ thấp hơn là 14,22%.

### 4.3. Kết quả nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến áp dụng kế toán trách nhiệm tại các doanh nghiệp sản xuất ô tô ở Việt Nam

#### 4.3.1. Phân tích nhân tố khám phá

##### 4.3.1.1. Phân tích nhân tố khám phá cho biến độc lập

Các biến độc lập (10 biến) giải thích được 66.978% sự biến thiên của dữ liệu. Như vậy sử dụng phương pháp EFA là phù hợp, các quan sát đã tạo ra 10 yếu tố chính.

##### 4.3.1.2. Phân tích nhân tố khám phá cho biến phụ thuộc

Với chỉ số  $KMO = 0,756 > 0,5$ , tổng phương sai được giải thích là 44,181% và điểm dừng Eigenvalues = 2,209 > 1, cho thấy việc sử dụng phương pháp EFA là phù hợp.

#### 4.3.2. Đánh giá độ tin cậy của thang đo

Hệ số Cronbach's Alpha của 11 yếu tố trong đó có 10 yếu tố là biến độc lập và 1 yếu tố là biến phụ thuộc đều > 0,6 và hệ số tương quan biến

– tổng của tất cả các thang đo đều lớn hơn 0,3. Do đó tất cả các thang đo đều đảm bảo độ tin cậy và đạt yêu cầu để phân tích chuyên sâu tiếp theo.

### **4.3.3. Phân tích hồi quy bội**

#### **4.3.3.1. Phân tích tương quan**

Hệ số tương quan tuyến tính tuyệt đối của 10 biến độc lập với biến phụ thuộc đều có giá trị nằm trong khoảng từ 0,079 đến 0,672. Điều này cho thấy các biến độc lập đều có mối tương quan với biến phụ thuộc.

#### **4.3.3.2. Kiểm định hệ số hồi quy**

Có 7 yếu tố có ý nghĩa thống kê là F1\_NQL, F2\_PC, F3\_KT, F4\_QM, F5\_CNTT, F9\_CT và F10\_DD. Cả 07 yếu tố đều có ý nghĩa thống kê với độ tin cậy từ 90% đến 99%.

Mô hình hồi quy đánh giá sự ảnh hưởng của các yếu tố tới áp dụng KTTN tại các DN sản xuất ô tô ở Việt Nam:

$$KTTN = 0,342 + 0,09 * F1\_NQL + 0,302 * F2\_PC + 0,227 * F3\_KT + 0,243 * F4\_QM + 0,071 * F5\_CNTT - 0,111 * F9\_CT + 0,110 * F10\_DD$$

#### **4.3.3.3. Đánh giá mức độ phù hợp của mô hình**

$R^2 = 0,629$  và  $R^2$  hiệu chỉnh = 0,616 có nghĩa là 63% sự biến thiên về áp dụng KTTN được giải thích bởi 7 biến độc lập đã đưa vào trong mô hình nghiên cứu.

$F = 46.559$  (Sig. = 0,000) chứng tỏ kết quả thực hiện trên mẫu có thể suy rộng cho toàn bộ tổng thể.

#### **4.3.3.4. Kiểm định các giả thiết của mô hình hồi quy tuyến tính bội**

Hệ số phóng đại phương sai của tất cả 7 biến độc lập đều thấp hơn so với 2 chứng tỏ là không có hiện tượng đa cộng tuyến trong mô hình được xây dựng.

Phần dư của mô hình hồi quy có phân phối gần với phân phối chuẩn chuẩn. Do vậy các giả định của mô hình hồi quy không bị vi phạm.

## **Kết luận chương 4**

## CHƯƠNG 5: BÀN LUẬN VÀ CÁC KHUYẾN NGHỊ TỪ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

### 5.1. Bàn luận kết quả nghiên cứu về thực trạng áp dụng kế toán trách nhiệm tại các doanh nghiệp sản xuất ô tô ở Việt Nam

Luận án đưa ra các bàn luận về kết quả nghiên cứu thực trạng áp dụng KTTN tại các DN sản xuất ô tô ở Việt Nam theo 5 khía cạnh: (1) Về nhận diện và xác định trách nhiệm kế toán ở các trung tâm trách nhiệm; (2) Về lập dự toán tại các trung tâm trách nhiệm; (3) Về thu thập, xử lý thông tin thực hiện; (4) Về báo cáo kế toán trách nhiệm và (5) Về đánh giá thành quả ở các TTTN.

### 5.2. Bàn luận kết quả về các yếu tố ảnh hưởng đến áp dụng kế toán trách nhiệm tại các doanh nghiệp sản xuất ô tô ở Việt Nam

Kết quả nghiên cứu chỉ ra có 7 yếu tố ảnh hưởng đến áp dụng KTTN tại các DN sản xuất ô tô ở Việt Nam với mức độ tác động khác nhau, được thể hiện ở Bảng 5.1 dưới đây:

**Bảng 5.1: Mức độ tác động của các yếu tố ảnh hưởng tới áp dụng KTTN tại các DN sản xuất ô tô ở Việt Nam**

TT	Giả thuyết	Kết quả kiểm định
1	<b>H1:</b> Sự phân cấp quản lý có ảnh hưởng thuận chiều tới việc áp dụng KTTN tại các DN sản xuất ô tô ở Việt Nam.	Chấp nhận
2	<b>H2:</b> Quy mô DN có ảnh hưởng thuận chiều tới việc áp dụng KTTN tại các DN sản xuất ô tô ở Việt Nam.	Chấp nhận
3	<b>H3:</b> Trình độ, nhận thức của nhà quản lý có ảnh hưởng thuận chiều tới việc áp dụng KTTN tại các DN sản xuất ô tô ở Việt Nam.	Chấp nhận
4	<b>H4:</b> Trình độ, nhận thức của người làm kế toán có ảnh hưởng thuận chiều tới việc áp dụng KTTN tại các DN sản xuất ô tô ở Việt Nam.	Chấp nhận



<b>TT</b>	<b>Giả thuyết</b>	<b>Kết quả kiểm định</b>
5	<b>H5:</b> Mức độ cạnh tranh có ảnh hưởng thuận chiều tới việc áp dụng KTTN tại các DN sản xuất ô tô ở Việt Nam.	Bác bỏ
6	<b>H6:</b> Đặc điểm DN có ảnh hưởng thuận chiều tới việc áp dụng KTTN tại các DN sản xuất ô tô ở Việt Nam.	Chấp nhận
7	<b>H7:</b> Đặc thù hoạt động sản xuất có ảnh hưởng thuận chiều tới việc áp dụng KTTN tại các DN sản xuất ô tô ở Việt Nam.	Bác bỏ
8	<b>H8:</b> Chi phí tổ chức KTTN có ảnh hưởng thuận chiều tới việc áp dụng KTTN tại các DN sản xuất ô tô ở Việt Nam.	Bác bỏ
9	<b>H9:</b> Ứng dụng công nghệ thông tin có ảnh hưởng thuận chiều tới việc áp dụng KTTN tại các DN sản xuất ô tô ở Việt Nam.	Chấp nhận
10	<b>H10:</b> Môi trường pháp lý có ảnh hưởng thuận chiều tới việc áp dụng KTTN tại các DN sản xuất ô tô ở Việt Nam.	Bác bỏ

(Nguồn: Kết quả xử lý SPSS 20.0 của tác giả)

- Nhóm yếu tố có ảnh hưởng đáng kể đến áp dụng KTTN tại các DN sản xuất ô tô ở Việt Nam đó là phân cấp quản lý, trình độ, nhận thức của người làm kế toán và quy mô DN.

- Nhóm yếu tố đặc điểm DN và mức độ cạnh tranh có mức độ tác động trung bình, còn nhóm yếu tố có mức độ ảnh hưởng không đáng kể, có tính xúc tác thúc đẩy áp dụng KTTN tại các DN sản xuất ô tô ở Việt Nam là ứng dụng công nghệ thông tin và trình độ, nhận thức của nhà quản lý.

### **5.3. Các khuyến nghị từ kết quả nghiên cứu**

#### **5.3.1. Khuyến nghị về áp dụng KTTN tại các doanh nghiệp sản xuất ô tô ở Việt Nam**

Luận án đưa ra các khuyến nghị nhằm hoàn thiện việc áp dụng KTTN tại các DN sản xuất ô tô ở Việt Nam liên quan đến 5 nội dung: (1) Xác định và xác định trách nhiệm kế toán trong từng trung tâm trách nhiệm; (2) Lập ngân sách; (3) Thu thập và xử lý thông tin; (4) Tổ chức lại kế toán trách nhiệm và (5) Đánh giá hoạt động của các trung tâm trách nhiệm.

### ***5.3.2. Khuyến nghị về các yếu tố ảnh hưởng đến áp dụng kế toán trách nhiệm tại các doanh nghiệp sản xuất ô tô ở Việt Nam***

Luận án đưa ra các khuyến nghị liên quan đến 3 yếu tố có tác động mạnh nhất đến ứng dụng KTTN tại các DN sản xuất ô tô ở Việt Nam lần lượt là phân cấp quản lý, trình độ và nhận thức của người làm kế toán và yếu tố quy mô DN.

### **5.4. Điều kiện thực hiện các khuyến nghị**

Để thực hiện được các khuyến nghị, cần có sự phối kết hợp đồng bộ từ phía Nhà nước, các DN sản xuất ô tô ở Việt Nam, các cơ sở đào tạo và các tổ chức Hiệp hội nghề nghiệp.

### **5.5. Hạn chế và hướng nghiên cứu tiếp theo**

#### ***5.5.1. Những hạn chế của luận án***

Những phát hiện của nghiên cứu hoàn toàn dựa trên nhận thức của các nhà quản lý, kế toán trưởng hay trưởng phòng kế toán, nhân viên kế toán tại các DN sản xuất ô tô ở Việt Nam. Do các phát hiện dựa trên thang điểm tự đánh giá nên có thể thể hiện tính thiên vị ở một mức độ nhất định.

Luận án chưa phân tích được yếu tố ảnh hưởng đặc trưng đến từng lĩnh vực sản xuất cụ thể của ngành sản xuất ô tô Việt Nam

#### ***5.5.2. Hướng nghiên cứu tiếp theo***

Có thể nghiên cứu việc áp dụng KTTN trong từng lĩnh vực cụ thể như sản xuất xe có động cơ, sản xuất thân xe có động cơ...

## **Kết luận chương 5**

## KẾT LUẬN

Nền kinh tế Việt Nam đã và đang ngày càng hội nhập với nền kinh tế thế giới. Quá trình này đã tạo ra nhiều cơ hội nhưng cũng đặt ra không ít những khó khăn, thách thức. Bối cảnh đó đặt ra cho các DN sản xuất ô tô ở Việt Nam phải nghiên cứu và ứng dụng các công cụ quản lý hiệu quả nhằm phục vụ cho việc ra quyết định. Một trong những công cụ quản lý quan trọng đó là KTTN.

Luận án “Kế toán trách nhiệm tại các DN sản xuất ô tô ở Việt Nam” đã nghiên cứu lý luận và thực tiễn nhằm thúc đẩy hơn nữa việc áp dụng KTTN tại các DN sản xuất ô tô ở Việt Nam trong bối cảnh hiện nay. Với phạm vi và mục tiêu nghiên cứu của đề tài, luận án đã đạt được các kết quả nghiên cứu cơ bản sau:

Thứ nhất, luận án đã hệ thống hóa, phân tích và làm rõ thêm cơ sở lý thuyết và những vấn đề lý luận chung về nội dung KTTN trong DN.

Thứ hai, nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến áp dụng KTTN trong DN trên cơ sở tham khảo, tổng kết các nghiên cứu tiền nhiệm cũng như tham vấn ý kiến của các chuyên gia.

Thứ ba, dựa trên khung lý luận về nội dung KTTN cũng như các yếu tố ảnh hưởng đến áp dụng KTTN trong DN, luận án đã khảo sát, đánh giá thực trạng áp dụng KTTN tại các DN sản xuất ô tô ở Việt Nam. Đồng thời xác định các yếu tố và đánh giá mức độ ảnh hưởng của các yếu tố đến áp dụng KTTN tại các đơn vị này.

Thứ tư, từ kết quả nghiên cứu, tác giả đưa ra các gợi ý và đề xuất các khuyến nghị nhằm hoàn thiện và thúc đẩy hơn nữa việc áp dụng KTTN tại các DN sản xuất ô tô ở Việt Nam.

Mặc dù đã nỗ lực nghiên cứu song luận án khó tránh khỏi những hạn chế nhất định. Tác giả mong nhận được những ý kiến đóng góp quý báu của các nhà khoa học để luận án được hoàn thiện hơn.